

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	241072116	Bùi Quốc	An	2410721	19		9.07		95.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
2	241072122	Nguyễn Thị Ngọc	Bình	2410721	19		8.85		84.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
3	241072149	Phạm Diệu	Linh	2410721	19		9.04		92.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
4	241072151	Nguyễn Tự	Lộc	2410721	19		8.82		80.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
5	241072154	Vũ Ngọc Trà	My	2410721	19		9.19		94.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
6	241072175	Thân Đức	Việt	2410721	19		9.32		96.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
7	241072180	Đậu Đức	Anh	2410722	20		8.85		93.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
8	241072190	Nguyễn Thùy	Dương	2410722	20		9.02		96.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
9	241072191	Đào Xuân	Đạt	2410722	20		8.83		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
10	241072193	Nguyễn Hương	Giang	2410722	20		8.81		84.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
11	241072204	Nguyễn Thị Vân	Khánh	2410722	20		9.20		83.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
12	241072208	Lê Hoàng	Linh	2410722	20		8.89		93.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
13	241072211	Nguyễn Thị Diệu	Linh	2410722	20		8.80		87.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
14	241072212	Phạm Ngọc	Linh	2410722	20		8.88		94.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
15	241072213	Vũ Hương	Linh	2410722	20		8.77		88.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
16	241072216	Phạm Đăng	Minh	2410722	20		9.10		91.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
17	241072225	Đoàn Khánh	Ngân	2410722	20		9.07		95.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
18	241072226	Trần Trí Anh	Quân	2410722	20		8.82		93.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
19	241072330	Nguyễn Quang	Khôi	2410724	19		8.82		80.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
20	241072368	Hoàng Nhật	Anh	2410725	20		8.81		92.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
21	241072375	Nguyễn Minh	Châu	2410725	20		9.05		86.00	17 600 000		17 600 000	Giỏi
22	241072383	Nguyễn Thị Hương	Giang	2410725	15		8.91		93.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
23	241072388	Phí Nguyên	Hoàng	2410725	20		9.05		90.00	19 200 000		19 200 000	Xuất sắc
24	241072396	Bùi Phương	Linh	2410725	21		9.05		91.00	20 160 000		20 160 000	Xuất sắc
25	241072449	Ma Thanh	Hằng	2410726	19		8.81		78.50	15 200 000		15 200 000	Khá
26	241072450	Phạm Hoàng	Hiệp	2410726	19		9.02		91.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
27	241072457	Nguyễn Đức	Khải	2410726	19		8.81		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
28	241072466	Điệp Bảo	Long	2410726	19		9.00		95.50	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
29	241072471	Dương Bảo	Ngọc	2410726	19		9.27		86.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
30	241072479	Kiều Cao	Sơn	2410726	19		9.14		80.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
31	241072482	Đỗ Quang	Thắng	2410726	19		9.31		96.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
32	241072496	Đoàn Phương	Anh	2410727	19		8.93		95.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
33	241072502	Lê Phan Trung	Bắc	2410727	19		8.95		93.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
34	241072516	Hà Thu	Hiền	2410727	19		9.08		96.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
35	241072530	Trương Ngọc Khánh	Linh	2410727	19		8.82		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
36	241072572	Nguyễn Minh	Hằng	2410728	19		9.09		88.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
37	241072614	Nguyễn Ngọc Hà	Vi	2410728	19		8.77		80.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
38	241072623	Nguyễn Hải	Bình	2410729	19		9.03		93.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc
39	241072637	Nguyễn Tiến	Hoàn	2410729	19		8.96		95.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
40	241072646	Chu Bảo	Linh	2410729	19		9.04		94.00	18 240 000		18 240 000	Xuất sắc

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
41	251071807	Kiều Bảo	Hân	2510617	18		8.79		82.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
42	251071812	Hoàng Thị Ngọc	Khánh	2510617	18		8.86		90.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
43	251071838	Lê Phạm Anh	Thư	2510617	18		9.04		85.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
44	251071840	Nguyễn Hương	Trà	2510617	18		8.78		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
45	251071862	Nghiêm Bảo	Hân	2510618	18		8.99		90.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
46	251071876	Hồ Ngọc	Mai	2510618	18		8.81		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
47	251071883	Dương Yến	Nhi	2510618	18		8.77		84.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
48	251071893	Nguyễn Minh	Thư	2510618	18		8.87		92.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
49	251071906	Từ Ngọc Bảo	Anh	2510619	18		8.86		80.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
50	251071919	Hồ Lục Gia	Huy	2510619	18		8.72		82.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
51	251071931	Nguyễn Ngọc	Mai	2510619	18		8.66		73.50	14 400 000		14 400 000	Khá
52	251071940	Nguyễn Trịnh	Phú	2510619	18		8.73		90.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
53	251071941	Ngô Vũ Hà	Phương	2510619	18		8.72		75.50	14 400 000		14 400 000	Khá
54	251071945	Ngô Thái	Sơn	2510619	18		8.78		85.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
55	251071967	Đỗ Kim	Dung	2510620	18		8.78		85.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
56	251071973	Lê Ngọc	Huy	2510620	18		8.79		90.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
57	251071974	Đỗ Thị	Huyền	2510620	18		8.71		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
58	251072074	Ngô Phương	Chi	2510622	20		8.78		80.50	17 600 000		17 600 000	Giỏi
59	251072087	Lê Ngọc Minh	Khuê	2510622	18		8.68		76.50	14 400 000		14 400 000	Khá
60	251072095	Phạm Diệu	Ly	2510622	18		8.73		80.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật kinh tế

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
61	251072102	Nguyễn Minh	Nguyệt	2510622	15		8.71		87.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
62	251072103	Trần Hồ Thiện	Nhân	2510622	15		8.93		84.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
63	251072109	Nguyễn Hoàng Hiếu	Tâm	2510622	18		8.84		77.50	14 400 000		14 400 000	Khá
64	251072111	Nguyễn Diệu	Thảo	2510622	18		8.65		89.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
65	251072113	Đào Ngân	Thương	2510622	18		8.96		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
66	251072115	Khương Hà	Trang	2510622	18		9.03		87.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
67	251072134	Bùi Hương	Giang	2510623	18		9.20		83.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
68	251072135	Thái Thị Việt	Hà	2510623	18		9.18		90.00	17 280 000		17 280 000	Xuất sắc
69	251072154	Vũ Bảo	Ngân	2510623	18		8.81		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
70	251072158	Trần Thị Hồng	Nhung	2510623	18		9.00		85.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
71	251072166	Nguyễn Thị Minh	Thu	2510623	18		8.88		86.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
72	251072171	Nguyễn Xuân	Triết	2510623	18		8.89		89.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
73	251072179	Trần Nhật	Anh	2510624	18		8.93		88.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
74	251072188	Lê Nguyễn Thùy	Dương	2510624	21		8.81		82.50	18 480 000		18 480 000	Giỏi
75	481718	Vũ Thị Bích	Hằng	4817	16		9.15		91.00	15 360 000		15 360 000	Xuất sắc
76	481725	Ngô Hương	Lan	4817	16		8.56		78.50	12 800 000		12 800 000	Khá
77	481752	Đỗ Quỳnh	Trang	4817	16		8.71		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
78	481762	Nguyễn Nhật	Linh	4817	16		8.74		90.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
79	481802	Ngô Thúy	An	4818	16		8.88		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
80	481804	Nguyễn Thị	ánh	4818	16		8.68		85.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

Ngành: Luật kinh tế

Trang 5

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2025 - 2026

Ngành: Luật kinh tế

Trang 6